

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Đường giao thông nông thôn thôn Xuân Khánh, xã Bãi Trành, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 28/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/1/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/02/2021 của Chính Phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 20/2/2023 của Chủ tịch UBND huyện Như Xuân Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư: Đường giao thông nông thôn thôn Xuân Khánh, xã Bãi Trành, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 25 /5/2023 của Chủ tịch UBND huyện Như Xuân Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Đường giao thông nông thôn thôn Xuân Khánh, xã Bãi Trành, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa;

Xét Tờ trình số 284/TTr-BQLDA ngày 16/8/2023 của giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Xuân và theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại báo cáo thẩm định số 116/TĐ-KTHT ngày 2/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Đường giao thông nông thôn thôn Xuân Khánh, xã Bãi Trành, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung sau:

1. Nội dung điều chỉnh, bổ sung:

1.1. Điều chỉnh giảm:

- Bỏ toàn bộ tuyến nhánh đã được duyệt có điểm đầu tại cọc C12, km0+433,6 của tuyến chính đến hết cuối tuyến nhánh.
- Bỏ cống B50 ngang đường tuyến nhánh.
- Bỏ khối lượng diện tích vượt nối đường ngang tuyến chính tại Km0+99 (bên trái tuyến).

1.2. Điều chỉnh tăng:

- Điều chỉnh khối lượng đào đất cấp 3 sang đào đá cấp 4 đoạn rãnh đầu tuyến nối với đường Hồ Chí Minh, chiều dài điều chỉnh L=9,0m.
- Điều chỉnh, bổ sung tuyến mới có điểm đầu tại cọc P13, km0+370.8 của tuyến chính đi khu thể thao và nhà văn hóa thôn Xuân Khánh, tuyến mới có tổng chiều dài L=80m (theo hồ sơ thiết kế điều chỉnh), có quy mô kết cấu như sau:
 - + Chiều rộng nền đường 6,5m; chiều rộng mặt đường 4,5m; chiều rộng lề đường $2 \times 0,5\text{m} = 1,0\text{m}$; độ dốc ngang mặt đường 2%; độ dốc ngang lề 4%.
 - + Kết cấu: Giống như kết cấu mặt đường đã được duyệt tại Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 25 /5/2023 của Chủ tịch UBND huyện Như Xuân.

2. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập điều chỉnh, bổ sung Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Công ty cổ phần thiết kế kiến trúc xây dựng Thăng Long.

3. Tổng dự toán xây dựng điều chỉnh, bổ sung: **1.471.657.000 đồng.** (Bằng chữ: Một tỷ bốn trăm bảy mươi một triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn đồng)

Trong đó: Giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư:

- Chi phí xây lắp:	1.263.950.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án:	35.038.000	đồng
- Chi phí tư vấn:	135.710.000	đồng
- Chi phí khác:	17.482.000	đồng
- Chi phí dự phòng:	19.476.900	đồng

(chi tiết có phụ biểu kèm theo).

Tổng dự toán xây dựng công trình điều chỉnh, bổ sung không tăng, không giảm so với tổng mức đầu tư đã được duyệt mà chỉ thay đổi các khoản mục chi phí.

4. Các nội dung khác: Thực hiện theo Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật định xây dựng công trình: Đường giao thông nông thôn thôn Xuân Khánh, xã Bãi Trành, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Giao Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện (Chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng nội dung được duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan về quản lý đầu tư xây dựng công trình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng, ban: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế - Hạ tầng, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Như Xuân; Chi cục thuế khu vực Như Thanh - Như

Xuân, Chủ tịch UBND xã Bãi Trành và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND huyện;
- Các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Chủ đầu tư: 04 bản;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tuất

Phụ lục: TỔNG DỰ TOÁN XÂY DỰNG, ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
Công trình: Đường giao thông nông thôn thôn Xuân Khánh, xã Bãi Trành

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2023 của Chủ tịch UBND huyện)

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	DỰ TOÁN ĐÃ ĐƯỢC DUYỆT SAU THUẾ	GIÁ TRỊ ĐIỀU CHỈNH TĂNG SAU THUẾ	GIÁ TRỊ ĐIỀU CHỈNH GIẢM SAU THUẾ	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH SAU THUẾ
1	Chi phí xây dựng	1.220.976.000	85.442.000	-42.468.000	1.263.950.000
1.1.1	Nền mặt đường	682.759.100	85.442.000	-25.822.000	742.379.000
1.1.2	Rãnh dọc	521.571.339			521.571.000
1.1.3	Cống bản (tuyến nhánh)	16.645.545		-16.645.545	
2	Chi phí quản lý dự án	33.566.000	2.926.000	-1.454.000	35.038.000
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	129.804.000	7.266.000	-1.360.000	135.710.000
3.1	Chi phí khảo sát địa hình	19.747.000			19.747.000
3.3	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	64.724.000	4.529.000		69.253.000
3.4	Chi phí lập HSMT, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	4.225.000			4.225.000
3.5	Chi phí giám sát thi công xây dựng	39.108.000	2.737.000	-1.360.000	40.485.000
3.7	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu	2.000.000			2.000.000
4	Chi phí khác	17.232.000	250.000		17.482.000
4.1	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	8.392.000			8.392.000
4.3	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng	5.000.000			5.000.000
4.4	Chi phí thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	3.840.000	250.000		4.090.000
5	Chi phí dự phòng	70.078.900		-50.602.000	19.476.900
5.1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	70.078.900		-50.602.000	19.476.900
	Tổng cộng	1.471.656.900	95.884.000	-95.884.000	1.471.656.900
	Làm tròn	1.471.657.000			1.471.657.000